|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**  **Khoa: Ngoại Ngữ**  **Bộ môn: PTKN Tiếng Anh** | **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  **Học phần: Kỹ năng Đọc-Viết 1**  **Mã học phần: 131034** |

**I. Thông tin chung về học phần**

- Tên ngành/ khoá đào tạo: Đại học sư phạm tiếng Anh, Cao đẳng sư phạm tiếng Anh, Cử nhân ngôn ngữ Anh

- Tên học phần: Kỹ năng Đọc-Viết 1

- Số tín chỉ: 3

- Học kỳ: I

- Học phần: Bắt buộc

- Các học phần tiên quyết: Kỹ năng Đọc-Viết 1

- Các học phần kế tiếp: Kỹ năng Nghe Nói 2, 3, 4, 5, 6

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động

+ Nghe giảng lý thuyết : **27 giờ**

+ Thảo luận, hoạt động theo nhóm : **18 giờ**

+ Thực hành : **18 giờ**

+ Tự học và tư vấn của GV : **135 giờ**

Địa chỉ của Bộ môn phụ trách học phần: phòng 204 A7, cơ sở chính, trường Đại học Hồng Đức

II. **Nội dung học phần**

***2.1.Nội dung học phần:***

Học phần gồm các bài đọc hiểu về các chủ đề: văn hóa, giáo dục, đời sống, khoa học, nghệ thuật...; các kỹ năng đọc lướt, đoán nghĩa từ, xác định ý chính, ý bổ trợ, xác định nguyên nhân, kết quả, sự thật, kỹ năng viết đoạn văn

***2.2.Năng lực đạt được:***

Người học đọc hiểu được các văn bản về các chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, xác định các kết luận chính trong các văn bản nghị luận, nhận diện mạch lập luận của văn bản đang đọc; Người học biết cách viết đoạn văn về các chủ đề quen thuộc hoặc mối quan tâm cá nhân bằng cách kết nối các thành tố đơn lập thành bài viết có cấu trúc. Kết thúc học phần người học đạt bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

1. **Chuẩn đầu ra**

***3.1.Kiến thức*:**

Kết thúc học phần người học đạt trình độ B1 (bậc 3/6 theo khung ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam)

***3.2.Kỹ năng:***

Người học có thể sử dụng vốn từ vựng, ngữ pháp và chiến thuật đọc hiểu các bài đọc thuộc các chủ đề quen thuộc ở trình độ B1. Người học ngoài việc viết được các văn bản đơn giản đã học còn có khả năng tự học tự nghiên cứu để nâng cao kỹ năng đọc hiểu và viết. Đồng thời người học cũng phát triển các kỹ năng mềm**.**

***3.3.Năng lực****:*

Người học có năng lực hiệu quả cá nguồn kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tế đồng thời có khả năng sáng tạo về mặt sử dụng ngôn ngữ ở trình độ B1.

**IV.Tài liệu và học liệu**

***4.1. Tài liệu bắt buộc:***

1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). ***Achievers B1.*** Richmond Vietnam News Agency Publishing House.

2. Neil J.Anderson (2013). ***Active Skills for Reading 1***, Third Edition. Heine Cengage Learning

3. Alice Savage &MasoudShafiei.(2008). ***Effective Academic Writing 1***. Cambridge University Press.

***4.2.Tài liệu tham khảo:***

1. Cambridge Preliminary English Test 5 (2008). (PET). Cambridge University Press.

2. Cambridge Preliminary English Test 6 (2010). (PET). Cambridge University Press.

3. Cambridge Preliminary English Test 7 (2012). (PET). Cambridge University Press.

**V.Nội dung chi tiết học phần**

|  |  |
| --- | --- |
| Nội dung 1 | **Reading:**  1. Course Introduction and orientation  2. Unit 1: Lost and found [1]  3. Unit 1: A restaurant for change [2]  4. Targeted skills: Predicting  **Writing: A story**   1. Passive Voice *(handout)* 2. Write a story about a funny experience/ a strange dream [1] |
| Nội dung 2 | **Reading:**  1. Unit 2: Teenage bedrooms [1]  2. Unit 2: Computer beats champs [2]  3. Targeted skills: Reading for details  **Writing: An article**   1. Passive Voice *(cont) (handout)* 2. Write an article about a project at school to help the environment [1] |
| Nội dung 3 | **Reading:**  1. Unit 3: Six easy ideas to help save the planet [1]  2. Unit 3: Want to study abroad [2]  3. Targeted skills: Using subheadings to predict content  **Writing: A review**   1. Relative clauses *(handout)* 2. Write a review of a gadget [1] |
| Nội dung 4 | **Reading**:  1. Unit 4: *Pop icon* grand final [1]  2. Unit 4: A student budget [2]  3. Targeted skills: Skimming for main ideas  **Writing: A film review**   1. Relative clauses *(cont) (handout)* 2. Write a review of a film you have seen recently [1]   **Progress Test 1** |
| Nội dung 5 | **1. Reading**  1. Unit 5: Dear life coach [1]  2. Unit 5: Cell phone Etiquette [2]  3. Targeted skills: Identifying transition words  **Writing: Example paragraphs** [3]  1. Stimulating ideas  2. Brainstorming and outlining  3. Developing your ideas |
| Nội dung 6 | **Reading**   1. Unit 6: Everyday mysteries: the science of our daily lives[1] 2. Unit 6: The Olympic flame [2]   3. Targeted skills: Skimming for the main ideas  **Writing: Example paragraphs** *(cont)*[3]  1. Editing your writing  2. Putting it all together  3. Writing practice |
| Nội dung 7 | **1. Reading**:  1. Unit 7: *Encounters!* An exciting new thriller[1]  2. Unit 7: The world’s oldest universities [2]  2. Targeted skills: Identifying supporting details  **Writing: Process paragraphs** [3]  1. Stimulating ideas  2. Brainstorming and outlining  3. Developing your ideas |
| Nội dung 8 | **Reading**   1. Unit 8: Brilliant birthdays [1] 2. Unit 8: Which English will we speak? [2]   3. Targeted skills: Identifying main ideas  **Writing: Process paragraphs** *(cont)*[3]  1. Editing your writing  2. Putting it all together  3. Writing practice  **Mid-term test** |
| Nội dung 9 | **Reading**  1. Unit 9: Teen tips [1]  2. Unit 9: How do you celebrate [2]  3. Targeted skills: Scanning  **Writing: Opinion paragraphs** [3]  1. Stimulating ideas  2. Brainstorming and outlining  3. Developing your ideas |
| Nội dung 10 | **Reading**:   1. Unit 10: The age of adulthood [2] 2. Unit 10: Firsts in life [2]   3. Targeted skills: Predicting, making inferences  **Writing: Opinion paragraphs** *(cont)*[3]  1. Editing your writing  2. Putting it all together  3. Writing practice  **Progress Test 2** |
| Nội dung 11 | **Reading:**   1. Unit 11: Are you an Ophiuchus? [2] 2. Unit 11: Predicting Earthquakes [2]   3. Targeted skills: Summarizing, Identifying transition words  **Writing: Narrative paragraphs** [3]  1. Stimulating ideas  2. Brainstorming and outlining  3. Developing your ideas |
| Nội dung 12 | **Reading:**   1. Unit 12: A Japanese Folktale [2] 2. Unit 12: Internet Hoaxes [2]   2. Targeted skills: Recognizing Sequence of Events, Identifying Cause and Effect  **Writing: Narrative paragraphs** *(cont)*[3]  1. Editing your writing  2. Putting it all together  3. Writing practice |
| Nội dung 13 | * Review of reading skills and writing task types * Practice test |

**VI.**  **Chính sách đối với người học**

- SV phải tham gia đầy đủ các giờ học trên lớp theo quy định (80% trở lên)

- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, thảo luận trình bày các vấn đề ở mỗi đơn vị bài học.

- Tự học ở nhà có sự hướng dẫn của giáo viên

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nội dung được giao trong tuần/ tháng,.Sinh viên phải hoàn thành khối lượng bài ở nhà và các bài kiểm tra theo tuần, tháng, giữa kỳ và cuối kỳ.

**VII. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần**

**7.1 Kiểm tra đánh giá thường xuyên:** Trọng số 30%

***Mục đích:***

- Thúc đẩy và đảm bảo sinh viên tự giác, tích cực học tập ở trên lớp cũng như ngoài lớp một cách liên tục, có hệ thống.

- Đánh giá và tạo điều kiện vững chắc để đảm bảo sự tiến bộ của sinh viên trong suốt quá trình học.

- Kịp thời điều chỉnh hoạt động dạy học của giáo viên và sinh viên.

***Mô tả cụ thể:***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm thành phần** | ***Điểm 1*** | ***Điểm 2*** | ***Điểm 3*** | ***Điểm 4*** |
| Chuyên cần và thái độ học tập | Progress test 1 | Progress test 2 | Progress test 3 |
| **Thời gian** | Thường xuyên | Tuần 4 | Tuần 9 | Tuần 12 |
| **Hình thức kiểm tra, đánh giá** | Giáo viên kiểm tra, theo dõi và đánh giá hàng ngày, hàng tuần trên lớp  - Điểm chuyên cần  - Điểm các bài tập cá nhân, bài tập nhóm trên lớp | Thi viết và trắc nghiệm | Thi viết và trắc nghiệm | Thi viết và trắc nghiệm |
| **Tiêu chí đánh giá** | - Mức độ đi học đầy đủ, đúng giờ; thái độ, mức độ tham gia vào các hoạt động học tập trên lớp; mức độ làm bài tập về nhà đầy đủ  - Hiệu quả các bài tập cá nhân, bài tập nhóm: đóng vai. | - Điểm đọc được đánh giá dựa trên số lượng các câu trả lời đúng.  - Điểm viết được đánh giá dựa trên các tiêu chí:  + Bài viết đúng định dạng  + Hiệu quả sử dụng chức năng ngôn ngữ đã học trong chương trình vào giải quyết vấn đề thực tiễn của cuộc sống.  + Mức độ chính xác trong diễn đạt  + Tính mạch lạc và liên kết  + Ý tưởng sáng tạo  + Lựa chọn từ ngữ và cấu trúc chính xác  + Sử dụng đa dạng về từ vựng và ngữ pháp | | |

**7.2 Kiểm tra đánh giá giữa kỳ**: Trọng số 20%

*Mục đích*: So sánh năng lực của sinh viên với mức độ yêu cầu của chuẩn kiến thức, kĩ năng và thái độ của học phần sau khi đã học được một nửa học phần để từ đó cải thiện kịp thời hoạt động dạy và học.

*Mô tả cụ thể:* Bài kiểm tra được tiến hành trên lớp vào tuần 6 của học phần. Bài kiểm tra gồm 2 phần: kỹ năng đọc (10%) và kỹ năng viết (10%)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Điểm thành phần** | **Kỹ năng đọc** | **Kỹ năng viết** |
| **Trọng số điểm** | 10% | 10% |
| **Hình thức kiểm tra** | - Bài kiểm tra đọc (60 phút) theo định dạng PET Reading test | - Bài kiểm tra viết (25-30 phút) được tiến hành theo các dạng bài viết đã học |
| **Tiêu chí đánh giá** | Điểm đọc được đánh giá dựa trên số lượng các câu trả lời đúng. | - Điểm viết được đánh giá dựa trên các tiêu chí (VSTEP – Bậc 3 dành cho ngừoi lớn):  + Bài viết đúng định dạng  + Từ vựng: Phổ từ vựng, mức độ phù hợp và chính xác về từ vựng  + Ngữ pháp: Mức độ phù hợp và chính xác về ngữ pháp  + Bố cục nội dung: Mức độ hoàn thành bài thi;  + Mức độ liên kết và mạch lạc  + Sử dụng đa dạng về từ vựng và ngữ pháp  + Ý tưởng sáng tạo |

**7.3 Kiểm tra đánh giá cuối kỳ**: Trọng số 50%

*Mục đích:*

*Mục đích:*

Đánh giá kết quả chung về năng lực của sinh viên với mức độ yêu cầu của chuẩn kiến thức, kĩ năng và thái độ của học phần để củng cố, mở rộng toàn bộ tri thức đã học từ đầu học phần và tạo điều kiện cho sinh viên chuyển sang học học phần mới.

*Mô tả cụ thể:* Bài kiểm tra được tiến hành sau khi kết thúc học phần. Bài kiểm tra gồm 2 phần: kỹ năng nghe (25%) và kỹ năng nói (25%)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Điểm thành phần** | **Kỹ năng đọc** | **Kỹ năng viết** |
| **Trọng số điểm** | 25% | 25% |
| **Hình thức kiểm tra** | - Bài kiểm (60 phút) theo định dạng bài thi PET | Bài kiểm tra viết (25-30 phút) được tiến hành theo các dạng bài viết đã học |
| **Tiêu chí đánh giá** | Điểm đọc được đánh giá dựa trên số lượng các câu trả lời đúng. | - Điểm viết được đánh giá dựa trên các tiêu chí (VSTEP – Bậc 3 dành cho ngừoi lớn):  + Bài viết đúng định dạng  + Từ vựng: Phổ từ vựng, mức độ phù hợp và chính xác về từ vựng  + Ngữ pháp: Mức độ phù hợp và chính xác về ngữ pháp  + Bố cục nội dung: Mức độ hoàn thành bài thi;  + Mức độ liên kết và mạch lạc  + Sử dụng đa dạng về từ vựng và ngữ pháp  + Ý tưởng sáng tạo |